

Số: **11** /2010/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2010

THÔNG TƯ
Quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa-Thể thao
quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

Căn cứ Nghị định 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch 43/2008/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành tiêu chí của Trung tâm Văn hóa-Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện) như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thông tư này Quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa-Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

Trung tâm Văn hóa-Thể thao thuộc các Bộ, ngành, lực lượng vũ trang; các thiết chế tín ngưỡng, tôn giáo; các khu vui chơi, giải trí chuyên biệt trên địa bàn cấp huyện không thuộc phạm vi, đối tượng áp dụng của Thông tư này.

Điều 2. Nội dung tiêu chí

TT	TIÊU CHÍ	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ CỤ THỂ THEO VÙNG	
			Đô thị, đồng bằng	Miền núi, hải đảo
1	Tên gọi	Tên gọi được áp dụng cho từng vùng, miền	- Trung tâm Văn hóa-Thể thao (có thể tách riêng Trung tâm Văn hóa; Trung tâm Thể dục thể thao)	- Trung tâm Văn hóa-Thể thao (có thể tách riêng Trung tâm Văn hóa; Trung tâm Thể dục thể thao)

2	Tổng diện tích đất hiện đang sử dụng	2.1. Diện tích đất được quy hoạch (không kể diện tích của các công trình thể dục thể thao trong nhà và ngoài trời)	- Tối thiểu 5000m ²	- Tối thiểu 2500m ²
		2.2. Diện tích hoạt động trong nhà: - Văn phòng - Phục vụ hoạt động chuyên môn	- Tối thiểu 250m ² - Tối thiểu 1000m ²	- Tối thiểu 150m ² - Tối thiểu 600m ²
		2.3. Diện tích hoạt động ngoài trời	- Tối thiểu 3.300m ²	- Tối thiểu 1.750m ²
3	Quy mô xây dựng	3.1. Hội trường	- Tối thiểu 350 chỗ ngồi	- Tối thiểu 300 chỗ ngồi
		3.2. Phòng làm việc lãnh đạo: - Phòng Giám đốc - Phòng các Phó giám đốc	- Tối thiểu 10m ² - Tối thiểu 10m ²	- Tối thiểu 10m ² - Tối thiểu 10m ²
		3.3. Diện tích phòng làm việc của bộ phận chuyên môn - Hành chính-Tổng hợp - Văn hóa văn nghệ - Thể dục thể thao - Đội Tuyên truyền lưu động * Một số Trung tâm cấp huyện chưa tách các tổ chức sự nghiệp riêng biệt có thể có các phòng làm việc của bộ phận chuyên môn như sau: - Phòng truyền thống - Phòng đọc, kho sách	- Tối thiểu 20m ² - Tối thiểu 20m ² - Tối thiểu 20m ² - Tối thiểu 30m ² - Tối thiểu 60m ² - Tối thiểu 60m ²	- Tối thiểu 15m ² - Tối thiểu 15m ² - Tối thiểu 15m ² - Tối thiểu 25m ² - Tối thiểu 40m ² - Tối thiểu 40m ²

		<ul style="list-style-type: none"> - Du lịch, nếp sống, gia đình - Kho chứa trang thiết bị 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 20m² - Tối thiểu 20m² 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 15m² - Tối thiểu 20m²
		3.4. Công trình thể dục thể thao	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất hai trong các công trình: + Sân vận động + Bể bơi + Nhà tập luyện thể thao 	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất hai trong các công trình: + Sân vận động + Bể bơi + Nhà tập luyện thể thao
		3.5. Công trình phụ trợ	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 12m x 8m - Tối thiểu 500m² - Tối thiểu 800m² 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 9m x 6m - Tối thiểu 400m² - Tối thiểu 500m²
4	Trang thiết bị	4.1. Hội trường đa năng:	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ, bàn ghế tối thiểu cho 350 chỗ ngồi - Đủ công suất phục vụ tối thiểu 350 người - Đáp ứng tốt yêu cầu tập luyện và biểu diễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ, bàn ghế tối thiểu cho 300 chỗ ngồi - Đủ công suất phục vụ tối thiểu 300 người - Đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho tập luyện và biểu diễn
		4.2. Dụng cụ tập luyện và thi đấu thể dục thể thao	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo theo công trình thể dục thể thao 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo theo công trình thể dục thể thao
		4.3. Phương tiện vận chuyển	<ul style="list-style-type: none"> - Được trang bị xe ô tô chuyên dùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Được trang bị xe ô tô chuyên dùng
5	Tổ chức và biên chế	5.1. Lãnh đạo Trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc và không quá 02 Phó giám đốc 	<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc và không quá 02 Phó giám đốc
		5.2. Các bộ phận nghiệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Hành chính-Tổng hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Hành chính-Tổng hợp

			<ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa văn nghệ - Thể dục, thể thao - Đội Tuyên truyền lưu động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa văn nghệ - Thể dục, thể thao - Đội Tuyên truyền lưu động.
		5.3. Một số Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện chưa tách các tổ chức sự nghiệp riêng biệt	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể thành lập các tổ nghiệp vụ khác thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch căn cứ theo đặc thù của địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể thành lập các tổ nghiệp vụ khác thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch căn cứ theo đặc thù của địa phương.
		5.4. Biên chế: Thực hiện theo khoản 3, Điều 4 của Thông tư 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Biên chế do UBND cấp huyện Quyết định theo định mức biên chế sự nghiệp. - UBND cấp huyện trình UBND cấp tỉnh Quyết định về khung tổ chức, bộ máy và nhân sự của Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biên chế do UBND cấp huyện Quyết định theo định mức biên chế sự nghiệp. - UBND cấp huyện trình UBND cấp tỉnh Quyết định về khung tổ chức, bộ máy và nhân sự của Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện.
6	Trình độ cán bộ	6.1. Cán bộ quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Đại học hoặc sau Đại học chuyên ngành Văn hóa; Thể dục thể thao; từ Trung cấp lý luận chính trị trở lên. - Có thâm niên công tác 03 năm trở lên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại học hoặc sau Đại học chuyên ngành Văn hóa; Thể dục thể thao; từ Trung cấp lý luận chính trị trở lên - Có thâm niên công tác 03 năm trở lên.
		6.2. Cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về Văn hóa; Thể dục thể thao - 80% có trình độ Đại học - 20% có trình độ Cao đẳng, Trung cấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về Văn hóa; Thể dục thể thao - 60% có trình độ Đại học - 40% có trình độ Cao đẳng, Trung cấp

7	Tổ chức hoạt động	<p>7.1. Hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số chương trình hoạt động tại chỗ - Số chương trình hoạt động lưu động - Số buổi hoạt động của Đội Tuyên truyền lưu động - Số chương trình hoạt động phối hợp, liên kết 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 20 chương trình/năm - Tối thiểu 10 chương trình/năm - Tối thiểu 100 buổi/năm - Tối thiểu 06 chương trình/năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 12 chương trình/năm - Tối thiểu 06 chương trình/năm - Tối thiểu 80 buổi/năm - Tối thiểu 03 chương trình/năm
		7.2. Số lớp năng khiếu, ngành nghề chuyên môn được tổ chức trong năm	- Tối thiểu 12 lớp năng khiếu/năm	- Tối thiểu 08 lớp năng khiếu/năm
		7.3. Số cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, hội chợ triển lãm tổ chức trong năm	- Tối thiểu 06 cuộc/năm	- Tối thiểu 04 cuộc/năm
		7.4. Số cuộc thi đấu thể thao trong năm	- Tối thiểu 08 cuộc/năm	- Tối thiểu 06 cuộc/năm
		7.5. Các hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ cho các Trung tâm Văn hóa-Thể thao cơ sở trong địa bàn:		
		<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về Văn hóa-Thể thao cho cơ sở - Ấn hành tài liệu nghiệp vụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 06 lớp/năm - Tối thiểu 12 loại tài liệu; 1.800 bản/năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 04 lớp/năm - Tối thiểu 06 loại tài liệu; 1.000 bản/năm
7.6. Tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí phục vụ trẻ em	- Đạt 30% thời gian hoạt động của Trung tâm	- Đạt 20% thời gian hoạt động của Trung tâm		

		7.7. Tổng số lượt người đến tham gia, sinh hoạt tại Trung tâm	- Tối thiểu 10.000 lượt người/năm	- Tối thiểu 8.000 lượt người/năm
8	Kinh phí	Kinh phí chi theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp do UBND cấp huyện cấp từ ngân sách địa phương hàng năm cho sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch (thực hiện theo Điều 6 của Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	- Ngân sách nhà nước cấp bảo đảm cho các hoạt động theo kế hoạch được duyệt; thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị - Các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động nghiệp vụ, chuyên môn; hoạt động dịch vụ, tài trợ, vay tín dụng, vốn liên doanh, liên kết và các nguồn thu hợp pháp khác.	- Ngân sách nhà nước cấp bảo đảm cho các hoạt động theo kế hoạch được duyệt; thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị. - Các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động nghiệp vụ, chuyên môn; hoạt động dịch vụ, tài trợ, vay tín dụng, vốn liên doanh, liên kết và các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2011.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, bổ sung và chỉnh sửa cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ VHTTDL: BT, các TT, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở VHTTDL;
- UBND cấp huyện;
- Cục kiểm tra Văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, VHCS (02), Tuần.1000.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Tuấn Anh